

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TD
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/DS - ST
Ngày 08 tháng 11 năm 2018
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TD, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Thành Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Sỹ Toàn

2. Bà Quản Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Song Lưu - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị
Phương - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh
Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2018/TLST-DS ngày 07 tháng 8
năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử
số: 15/2018/QĐXXST- DS ngày 24 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh KVT, sinh năm 1989, có mặt.

Nơi cư trú: thôn Q, xã Y, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. *Bị đơn:* Anh DKG, sinh năm 1992, có mặt.

Nơi cư trú: thôn Q, xã Y, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Chị TTT, sinh năm 1986, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh KVT, sinh năm 1989, có mặt (theo văn bản
ủy quyền ngày 12/9/2018).

Nơi cư trú: thôn Q, xã Y, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 7 năm 2018 và những lời khai trong quá
trình làm việc cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là anh DKG trình bày:*

Giữa anh với anh DKG có mối quan hệ là hàng xóm, sinh sống cùng một thôn với nhau. Anh làm nghề cai thầu xây dựng các công trình, chủ yếu địa bàn xây dựng tại thành phố Hà Nội. Từ năm 2015 đến năm 2017 anh G thỉnh thoảng có làm công cho anh (thợ xây) nhưng không liên tục mà thường xuyên nghỉ. Trong thời gian làm cho anh, anh G nhiều lần vay tiền của vợ chồng anh (vợ anh là TTT). Tính đến ngày 05/9/2016 anh Giang vay của vợ chồng anh số tiền là 32.680.000đ, vợ chồng anh và anh G đã chốt sổ, viết giấy vay nợ. Anh G cam kết sẽ trả cho vợ chồng anh bằng những ngày công lao động (mỗi ngày lao động tương ứng 250.000đ, hoặc 280.000đ, tùy từng thời kỳ).

Sau đó G không chịu lao động để trừ nợ, vợ chồng anh nhiều lần yêu cầu anh G trả tiền cho vợ chồng anh. Nhưng anh G không trả nợ mà còn thách thức vợ chồng anh.

Đối với việc anh G bị bắt, ép nhận nợ, giữ giấy tờ xe như thế nào anh không biết, không liên quan gì đến anh.

Tại phiên tòa, anh T đề nghị Tòa án: Buộc anh G phải trả vợ chồng anh số tiền 32.680.000đ (không yêu cầu lãi suất).

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Bị đơn là anh DKG trình bày:*

Anh xác nhận có mối quan hệ với anh T như anh T trình bày là đúng. Anh cũng xác nhận khoảng thời gian từ năm 2015 đến năm 2017 có đi làm công cho vợ chồng anh T, trong khoảng thời gian này có nhiều lần vay tiền của vợ chồng anh T, tổng số là 32.680.000đ (tuy nhiên những lần vay tiền giữa hai bên không lập văn bản, giấy tờ gì, anh T chỉ ghi chú các lần vay tiền vào một cuốn sổ).

Số tiền vay trên, anh và anh T thỏa thuận với nhau về việc sau này anh sẽ làm công thợ cho T và trừ dần vào số nợ (mỗi ngày lao động, tiền công rơi vào khoảng từ 250.000đ đến 280.000đ). Nhưng sau đó, do có nhu cầu thay đổi môi trường làm việc, anh chuyển sang làm nghề lái xe taxi tại thành phố PY, tỉnh Vĩnh Phúc và không làm

cho anh T nữa. Cũng do việc thay đổi môi trường làm việc, khó khăn về kinh tế nên anh chưa trả cho anh T số tiền công đã ứng nêu trên.

Ngày 20/3/2018 anh đang lái xe taxi BKS 88A 135-94 của công ty TĐ tại khu vực thành phố PY thì bị 02 người đàn ông bắt xe taxi của anh, đưa về khu vực xã KL, huyện T. Khi vào đến 01 ngôi nhà cấp IV thì bị 02 đối tượng trên và một số đối tượng nữa đánh, chửi, dọa nạt. Sau đó các đối tượng đưa ra 01 tờ giấy vay nợ có nội dung anh vay anh T số tiền 32.680.000đ. Sau khi cho xem giấy vay nợ, các đối tượng ép anh phải ký vào giấy vay nợ, cầm đồ (anh không nhớ chính xác) với số tiền 33.000.000đ và giữ của anh: 01 giấy phép lái xe ô tô mang tên DKG; 01 Đăng kiểm xe ô tô, 01 bảo hiểm và 01 đăng ký của xe ô tô BKS 88A 135-94. Sự việc được anh tố cáo tới Công an huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Nhưng quá trình giải quyết, ngày 22/6/2018 Công an huyện T đã thông báo cho anh biết là không khởi tố vụ án.

Quan điểm của anh: Nếu anh T muốn lấy tiền 32.680.000đ thì phải trả toàn bộ giấy tờ cho anh, cứ khi nào trả giấy tờ thì anh sẽ trả tiền. Hiện nay anh cũng khó khăn, nên muốn trả dần số nợ trên, mỗi tháng trả 1.000.000đ.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Xử: Buộc anh G phải trả ch vợ chồng anh T 32.680.000đ

Về án phí: anh G phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời khai của các đương sự có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh KVT có đơn khởi kiện anh DKG, hiện có hộ khẩu thường trú tại xã Y, huyện TD. Do vậy, xác định đây là tranh chấp dân sự theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, chị TTT vắng mặt, tuy nhiên chị đã ủy quyền cho chồng mình là anh KVT tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[2] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa sơ thẩm, các bên đương sự đã xác nhận và trình bày phù hợp với nhau về việc: Anh G là bạn cùng xóm với anh T, khoảng từ năm 2015 đến năm 2017 có đi làm công thợ cho anh T, trong khoảng thời gian này có vay của vợ chồng anh T số tiền 32.680.000đ đến nay chưa trả.

Tuy nhiên, đối với việc trả nợ thì các đương sự không thể thỏa thuận được với nhau. Theo đó, nguyên đơn là anh T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Th yêu cầu anh G phải trả ngay cho vợ chồng anh chị số tiền 32.680.000đ.

Trong khi đó anh G cho rằng hiện anh T còn giữ các loại giấy tờ như đăng ký xe mô tô, giấy phép lái xe.. nên không đồng ý trả tiền. Anh G muốn khi nào anh T trả mình các loại giấy tờ trên thì sẽ trả tiền và anh G cũng chỉ muốn trả dần số nợ, mỗi tháng trả 1.000.000đ.

Đối với quan điểm này của anh G, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại thông báo số 230 ngày 22/6/2018 của Công an huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc về việc không khởi tố vụ án và kết luận “ Qua tài liệu điều tra ... cũng không đủ căn cứ xác định việc anh G bị giữ giấy tờ”. Do vậy, quan điểm của anh G là chưa phù hợp với thực tế và pháp luật. Việc anh G muốn thanh toán 1.000.000đ/01 tháng cho vợ chồng anh T cũng không đảm bảo quyền lợi của vợ chồng anh T.

Do vậy, cần buộc anh DKG phải trả cho vợ chồng anh KVT, chị TTT số tiền 32.680.000đ để đảm bảo quyền lợi cho đương sự.

[3] Về án phí: Anh T là nguyên đơn, yêu cầu của anh được chấp nhận nên anh không phải chịu án phí sơ thẩm, cần trả lại cho anh số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Anh G là bị đơn, phải chịu án phí sơ thẩm của số tiền phải trả là 32.680.000đ x 5% = 1.634.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

1. Buộc anh DKG phải trả cho vợ chồng anh KVT, chị TTT số tiền 32.680.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và anh T, chị Th có yêu cầu thi hành án, nếu anh G không thanh toán đủ số tiền 32.680.000đ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền chậm thanh toán và thời gian thanh toán.

2. *Về án phí*: Trả lại cho anh KVT 820.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2017/0000817 ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Đảo.

Anh DKG phải chịu nộp 1.634.000đ án phí sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TD;
- Chi cục THADS huyện TD;
- UBND xã YD;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thành Công

